

DẤU ẤN VĂN HÓA CỦA CON NGƯỜI XỨ QUẢNG QUA TÁC PHẨM QUÊ NỘI CỦA NHÀ VĂN VÕ QUẢNG

Lê Thị Hiền¹

TÓM TẮT

Quê nội của Võ Quảng là bức tranh sinh động về đời sống con người xứ Quảng, đồng thời thể hiện đậm nét bản sắc văn hóa vùng miền từ góc nhìn văn hóa học. Tác phẩm không chỉ tái hiện những giá trị truyền thống và tinh thần cộng đồng gắn kết, mà còn phản ánh sự vận động của xã hội khi nhiều hủ tục dần được thay đổi theo hướng tiến bộ. Bài viết này tập trung phân tích các phương diện tiêu biểu như đời sống tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội và trò chơi dân gian. Từ góc nhìn đó, nghiên cứu góp phần làm rõ giá trị văn hóa đặc sắc của Quê nội, qua đó khẳng định tác phẩm không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn là nguồn tư liệu văn hóa quý, góp phần minh chứng cho sức sống bền bỉ của văn hóa dân gian Việt Nam.

Từ khóa: Dấu ấn văn hóa, con người xứ Quảng, tác phẩm Quê nội, Võ Quảng.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.3030-4652.87.5.2026.998>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn lưu giữ và tái hiện những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Đọc tác phẩm văn học, người ta không chỉ bắt gặp số phận, tâm hồn con người mà còn thấy được phong tục, tín ngưỡng, lễ hội, trò chơi dân gian - những thành tố tạo nên bản sắc văn hóa cộng đồng. Vì thế, việc tiếp cận tác phẩm văn học từ góc nhìn văn hóa học là hướng nghiên cứu cần thiết, góp phần khẳng định vai trò của văn học trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.

Võ Quảng là một trong những cây bút tiêu biểu viết về thiếu nhi và làng quê miền Trung. Tác phẩm *Quê nội* của ông không chỉ là câu chuyện tuổi thơ, tình làng nghĩa xóm mà còn là bức tranh văn hóa sinh động về xứ Quảng - miền đất giàu truyền thống và đậm đặc sắc thái văn hóa. Dấu ấn văn hóa được thể hiện trong tác phẩm qua nhiều phương diện: phong tục tập quán, đời sống tín ngưỡng, lễ hội và trò chơi dân gian. Nghiên cứu *Quê nội* từ góc nhìn văn hóa có ý nghĩa quan trọng. Nó giúp người đọc hiểu rõ hơn bản sắc văn hóa của một vùng quê cụ thể, đồng thời khẳng định sức sống bền bỉ của các giá trị truyền thống trong tiến trình lịch sử dân tộc. Bên cạnh đó, tác phẩm còn mang ý nghĩa thực tiễn trong giáo dục, khi những giá trị nhân văn và tinh thần cộng đồng có thể trở thành nguồn tư liệu quý cho việc giảng dạy văn học và văn hóa.

Xuất phát từ những lý do trên, bài viết tập trung làm rõ đời sống văn hóa con người xứ Quảng qua *Quê nội* của nhà văn Võ Quảng, từ đó góp phần làm rõ bản sắc văn hóa dân tộc và ý nghĩa của việc bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống trong bối cảnh hiện nay.

¹ Khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức; Email: lethihien@hdu.edu.vn

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết vận dụng các phương pháp như: hệ thống, phân tích - tổng hợp và liên ngành nhằm tiếp cận các phương diện văn hóa được nhà văn kiến tạo và biểu đạt trong tác phẩm. Phương pháp hệ thống xem *Quê nội* như một chỉnh thể nghệ thuật, trong đó các yếu tố như tín ngưỡng, phong tục tập quán, lễ hội và trò chơi dân gian không tồn tại như những dữ kiện đời sống đơn thuần, mà được tổ chức, lựa chọn và “giải mã” qua điểm nhìn nghệ thuật, tạo nên một cấu trúc ý nghĩa thống nhất. Phương pháp phân tích - tổng hợp tập trung làm rõ cách các chi tiết văn hóa được tái hiện và chuyển hóa trong văn bản, từ đó khái quát phương thức nhà văn biểu đạt và khám phá bản sắc văn hóa vùng miền. Đồng thời, phương pháp liên ngành (kết hợp văn học, lịch sử, văn hóa học và ngôn ngữ học) cho phép lý giải sâu hơn quá trình kiến tạo ý nghĩa văn hóa trong tác phẩm, qua đó làm nổi bật cách Võ Quảng thể hiện và khám phá bản sắc con người xứ Quảng.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Quê nội của nhà văn Võ Quảng được xuất bản năm 1974. Tác phẩm tái hiện tuổi thơ hồn nhiên của cậu bé Cục ở làng quê xứ Quảng trong những năm kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm không chỉ phản ánh tình yêu quê hương, tinh thần cộng đồng và khát vọng tự do của người dân mà còn gợi lại không gian làng quê xứ Quảng với những phong tục tập quán, đời sống tín ngưỡng, lễ hội và trò chơi dân gian giàu bản sắc. Với lối viết giản dị, giàu hình ảnh và đậm chất dân gian, *Quê nội* vừa mang giá trị nghệ thuật vừa là bức tranh văn hóa - xã hội sinh động về con người và vùng đất xứ Quảng.

3.1. Đời sống tín ngưỡng

Xứ Quảng là vùng đất có bề dày lịch sử - văn hóa, nơi giao thoa giữa văn hóa Chăm Pa và Đại Việt, giữa yếu tố miền núi - đồng bằng - ven biển. Do vậy, đời sống tín ngưỡng ở đây mang tính đa dạng, vừa bảo lưu yếu tố bản địa, vừa tiếp biến văn hóa từ nhiều vùng khác. Người dân xứ Quảng xem tín ngưỡng không chỉ là nhu cầu tinh thần, mà còn gắn với sinh kế, ứng xử với thiên nhiên, cộng đồng và lịch sử. Tác phẩm *Quê nội* của nhà văn Võ Quảng đã tái hiện khá cụ thể và sinh động đời sống tín ngưỡng của con người xứ Quảng. Tín ngưỡng không chỉ hiện lên như những nét sinh hoạt đời thường mà còn mang trong mình những dấu ấn văn hóa sâu sắc, phản ánh bản sắc tâm hồn, tinh thần kiên định và sự gắn kết cộng đồng của người dân miền Trung. Trong *Quê nội*, đời sống tín ngưỡng được thể hiện đa dạng qua nhiều khía cạnh của đời sống người dân.

Trong đời sống tín ngưỡng của người Việt nói chung và người dân xứ Quảng nói riêng, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên luôn đóng vai trò quan trọng. Trong *Quê nội*, Võ Quảng đã miêu tả giản dị nhưng sâu sắc phong tục thờ cúng tổ tiên - một nét văn hóa không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng. Khi khắc họa không khí ngày Tết ở làng quê, tác giả viết: “*Mẹ bày mâm cúng giao thừa. Trên bàn thờ, khói hương nghi ngút, hoa quả, bánh mứt xếp ngay ngắn. Anh em Hòa, Kính đứng khoanh tay nhìn lên, lòng rộn ràng khó tả*” [6, tr.23]. Bàn thờ tổ tiên là trung tâm tinh thần của ngôi nhà, khói hương tượng trưng cho sự kết nối giữa người sống với người đã khuất, còn ánh mắt háo hức, kính cẩn của trẻ nhỏ thể hiện sự tiếp nối truyền thống qua các thế hệ. Không chỉ trong ngày Tết, mà cả trong những dịp giỗ chạp, tác giả cũng cho thấy tinh thần “uống nước nhớ nguồn” của người dân

quê: “Đến ngày giỗ, mẹ dậy từ tinh mơ, vo gạo nấu xôi, làm gà, bày biện bàn thờ chu tất. Anh em trong họ hàng tụ họp, thắp hương, lạy tổ tiên rồi cùng nhau ăn bữa cơm sum họp” [6, tr.78]. Cảnh tượng ấy không chỉ tái hiện không khí trang nghiêm, ấm cúng trong mỗi dịp tưởng nhớ người đã khuất, mà còn cho thấy tín ngưỡng tổ tiên đã trở thành một “sợi dây cố kết” gia đình và cộng đồng, gắn kết nhiều thế hệ trong cùng một không gian ký ức. Tác giả đã khéo léo lồng ghép các giá trị văn hóa truyền thống trong dòng chảy lịch sử, qua đó cho thấy sự ổn định nhưng cũng đầy linh hoạt của văn hóa dân gian. Trong một đoạn đối thoại, ông nội của Hòa căn dặn: “Giữ lấy hương khói cho tổ tiên là giữ lấy nếp nhà, giữ lấy làng quê. Có làng quê thì con cháu đời đời còn nhớ tới ông bà” [6, tr.156]. Câu nói giản dị nhưng mang sức gọi lớn: thờ cúng tổ tiên không chỉ là việc tâm linh, mà còn là ý thức bảo vệ quê hương - mảnh đất nơi ông bà an nghỉ, nơi lưu giữ di sản văn hóa của cộng đồng.

Sự kiện chú Hai Quân trở về quê hương sau mười lăm năm xa cách và mong muốn tìm lại tông tích ông bà cũng là những minh chứng sâu sắc cho thấy sự coi trọng nguồn cội và các thế hệ đi trước trong tâm thức người dân: “Con cháu của ông còn sống ở Dùi Chiêng. Sau hôm cướp chính quyền, cháu nội của ông là ông Hội Hiệt về đây tìm lại họ hàng tông tích. Như vậy cách mạng đã trả lại làng xóm tổ tiên...” [6, tr.42]. Hành động này không chỉ đơn thuần là sự trở về một nơi chốn, mà còn là hành trình tìm về cội nguồn, một nhu cầu tinh thần thiết yếu khi đất nước đã giành được độc lập, tạo điều kiện cho sự đoàn tụ và tái kết nối với lịch sử gia đình. Song song với đó, câu chuyện về ông Hội Hiệt, cháu nội của ông Bùi Kiệt, trở về tìm lại họ hàng tông tích sau ngày cướp chính quyền càng củng cố thêm ý nghĩa của việc trở về nguồn cội như một sự khẳng định bản sắc và lòng biết ơn đối với tổ tiên. Ông Hội Hiệt còn nhấn mạnh rằng việc tìm lại quê nội và cội nguồn là “phải đạo”, cho thấy đây là một giá trị văn hóa được cộng đồng trân trọng. Dù không có những miêu tả chi tiết về bàn thờ tổ tiên hay các nghi lễ cúng bái, sự trở về của chú Hai và ông Hội Hiệt, cùng với sự tôn trọng dành cho những nhân vật có công như Bà Tằm, đã hé lộ một mạch ngầm văn hóa về sự kính trọng tổ tiên và ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của dòng dõi và lịch sử gia đình trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người dân xứ Quảng còn có tín ngưỡng đa thần. Trong đời sống tâm linh, họ tin vào sự hiện diện của các thần linh tự nhiên và những thế lực siêu nhiên đầy linh thiêng. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng tín ngưỡng dân gian ở Quảng Nam mang đậm màu sắc vạn vật hữu linh, nơi mọi sự vật đều có linh hồn và được tôn kính như thần thánh [7]. Điều này thể hiện rõ trong lễ tế Cá Ông - nghi thức thờ cá voi và cá heo, được coi là thần Nam Hải che chở ngư dân khi ra khơi [5]. Bên cạnh đó, các đình làng ở Quảng Nam thường phối thờ nhiều vị thần khác nhau như Thành hoàng, Tiền hiền, Hậu hiền, hay nữ thần Thiên Y A Na, người được xem là bảo trợ cho nông nghiệp, nghề dệt, nghề gốm cũng như bảo hộ biển cả [2]. Trong tác phẩm *Quê nội*, Võ Quảng tái hiện hình ảnh những người dân xứ Quảng luôn tin vào sự hiện diện của các thần linh tự nhiên, những thế lực siêu nhiên đầy quyền năng như Giao Long, kẻ từng hút cạn nước khiến các dòng chảy không hướng về phía Đông, buộc Vị Thượng Ngàn phải ra tay khai phá các con sông như Thu Bồn: “Thuở ấy thần Mưa tính hay lơ đãng, có lúc quên cả những việc có thể gây ra cái chết cho cả trăm loài. Một năm thần Mưa quên gọi Mây tưới nước xuống phía đông, gây ra những cơn hạn hán khủng khiếp...” [6, tr.19]. Khi thần Mưa lơ đãng gây ra hạn hán, Vị Thượng Ngàn đã phải chẻ núi, vạch nguồn Chiên Đàn, nguồn Thu Bồn và nguồn Ô Da, hợp ba nguồn

lại thành sông Thu Bồn ngày nay: “*Vị Thượng Ngàn phải chẻ núi, vạch nguồn Chiên Đàn, nguồn Thu Bồn và nguồn Ô Da. Tất cả ba nguồn Chiên Đàn, Thu Bồn, Ô Da ngài cho nhập lại thành một con sông to. Đó là sông Thu Bồn ngày nay*” [6, tr.19]. Sự tích này không chỉ giải thích nguồn gốc của dòng sông mà còn phản ánh niềm tin của con người vào sức mạnh của thiên nhiên, được thể hiện qua hành động kiến tạo của một vị thần. Mặc dù không trực tiếp nói về việc thờ cúng Thượng Ngàn để cầu xin sự che chở, nhưng việc gán cho một vị thần quyền năng như vậy ngầm thể hiện sự tôn kính và tin tưởng vào thế lực siêu nhiên chi phối môi trường sống của họ. Bên cạnh đó, một số vị thần như Hà Bá và Thuồng Luồng cũng được nhắc đến, không chỉ như những hình tượng trong truyền thuyết mà còn như những thực thể có thể bị Diêm Vương sai khiến: “*Vua Diêm Vương thấy cần thiết phải xây dựng thêm nhà cửa và cung điện. Ngài sai bọn Hà Bá mang theo bọn Thuồng Luồng, Bạch Tuộc lên nguồn đón gõ...*” [6, tr.20]. Đặc biệt, niềm tin vào Thượng Đế được thể hiện qua quan niệm rằng số phận con người đã được định đoạt từ trước: “*Chú Hai tin là ở trên trời, chỗ xanh xanh kia, có các vị Thượng Đế đã định trước số mệnh cho con người...*” [6, tr.20].

Trong tín ngưỡng đa thần, người dân xứ Quảng còn tin vào sự hiện diện của thế giới ma quỷ. Những loài ma quỷ đáng sợ, được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: ma rà (dìm người xuống nước), ma le (cồng người nhét bụi tre), ma trôi (chập chờn), ma đuốc (lập lờ), cùng các loại ma đậu, ma xó, ma hời, ma trâu, ma lợn,... Sự phong phú trong cách gọi và hình dung về ma quỷ cho thấy một nỗi sợ hãi thường trực và cụ thể trong đời sống người dân. Nỗi sợ ma được xem là một trong những nỗi sợ lớn nhất, chỉ đứng sau nỗi sợ đói: “*Ma đủ loại... Khắp bờ khắp bụi dày đặc những ma. Riêng quanh vườn đã có mười loại cô hồn như ta thường vãi... Hoà Phước có hai bãi tha ma đầy ma quỷ. Ông có nhớ năm ma đậu hoành hành, người chết như rạ...*” [6, tr.52-53]. Chòm đa Lí trở thành nơi trú ngụ của những linh hồn cứng đầu bị đạo sĩ trấn yểm, càng củng cố thêm niềm tin vào sự tồn tại của ma quỷ và những thế lực hắc ám. Thậm chí, trước Tổng khởi nghĩa, những ngọn lửa chập chờn ở đó còn được coi là ma chơi, gây ra nỗi kinh hãi cho người dân, khiến người dân không dám bén mảng đến gần: “*Trước ngày Tổng khởi nghĩa, đêm đêm những ngọn lửa ở đó cứ chập chờn, lúc phụt tắt như ma chơi trông rất ghê sợ!*” [6, tr.21]. Người ta kể rằng vào những đêm khuya, hoặc lúc trời hừng sáng hay mưa lâm thâm, có thể thấy những hình ảnh ghê rợn như quỷ Bạch Thố Năm Nanh ngồi trên cành cây. Qua những câu chuyện ấy, niềm tin vào các thế lực siêu nhiên và ma quỷ không chỉ còn là những câu chuyện truyền miệng mà đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách người dân giải thích các hiện tượng tự nhiên và những điều bất thường trong cuộc sống. Sự xuất hiện của đạo sĩ có khả năng dùng bùa chú để đối phó với ma quỷ cho thấy người dân tìm kiếm sự bảo hộ tâm linh từ những người có năng lực đặc biệt: “*Vừa lúc đó có một vị đạo sĩ ra đời. Ngài biết con đường đi vào trăng sao và con đường đi vào lòng người. Do đó thật hư ngài đều hiểu rõ. Ngài cầm chiếc quạt nan, mặc áo vải, đi chân đất, nhưng đến đâu bọn ma quỷ đều khiếp sợ. Vị đạo sĩ dùng bùa chú, tập hợp các loại âm hồn giảng giải*” [6, tr.20-21]. Hình ảnh này đã phản ánh niềm tin dân gian rằng những người có trí tuệ và đạo hạnh đặc biệt không chỉ nắm bắt quy luật trời đất, thấu hiểu lòng người mà còn đủ sức cảm hóa, giảng giải cho cả thế giới âm hồn.

Ngược lại với nỗi sợ hãi đối với chòm đa Lí, người dân xứ Quảng lại thể hiện sự tôn kính đối với miếu Bà Tầm. Miếu Bà Tầm hiện lên như một trung tâm văn hóa tâm linh, được xây dựng để thờ cúng Bà Tầm (tên gọi khác của tiên nữ Tây Lăng), người đã có công dạy

dân trồng dâu nuôi tằm, mang lại cuộc sống ấm no cho vùng đất ven sông Thu Bồn. Miếu không chỉ là nơi người dân đến cầu khẩn, mà còn là địa điểm tổ chức các lễ hội lớn, tiêu biểu như hát hội, diễn ra ba năm một lần, thu hút cả làng và trở thành những ngày vui không gì sánh bằng. Sự trang trọng và náo nhiệt ở miếu Bà Tằm cho thấy sự biết ơn và niềm tin của người dân vào những thế lực siêu nhiên mang lại điều tốt lành cho cộng đồng. Với đời sống tín ngưỡng của người dân làng quê trong *Quê nội*, các địa điểm linh thiêng đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Sự tồn tại của cả miếu Bà Tằm và chòm đa Lí trong đời sống tâm linh của người dân xứ Quảng cho thấy một nhận thức đa diện về thế giới siêu nhiên, vừa tin vào những vị thần bảo hộ, vừa sợ hãi những thế lực hắc ám tiềm ẩn xung quanh. Hai địa điểm này, với những ý nghĩa và cảm xúc trái ngược mà chúng gợi lên, đã góp phần định hình nên bức tranh văn hóa tín ngưỡng phong phú và độc đáo của làng quê ven sông Thu Bồn.

Trong tác phẩm *Quê nội*, nhân vật ông Bảy Hoá là minh chứng rõ nét cho sự đa dạng trong tín ngưỡng dân gian của người dân xứ Quảng. Ông là người nắm giữ và thực hành những hình thức tín ngưỡng dân gian, từ việc xem tướng, đoán vận mệnh cho đến hành nghề thầy cúng. Võ Quảng miêu tả khá rõ việc ông Bảy từng dựng bàn thờ Thập Điện Diêm Vương, treo tranh vẽ ma quỷ và làm lễ cúng: *“Ở nhà ông Bảy, bên cạnh bàn thờ Phật tổ, Đức Quan Âm còn có bàn thờ Thập Điện Diêm Vương, với những bức tranh vẽ cảnh ma quỷ bị hành hình ghê rợn. Ông thường làm lễ cúng, đọc chú, cầu xin cho linh hồn người chết được siêu thoát”* [6, tr. 20-21]. Ông đóng vai trò trung gian giữa con người và thế giới siêu nhiên, phản ánh nhu cầu thường trực của cộng đồng trong việc tìm kiếm sự giúp đỡ từ các lực lượng vô hình thông qua các nghi lễ. Không chỉ thực hành nghi lễ, mà Ông còn truyền đạt quan niệm về nhân quả và thế giới bên kia cho trẻ nhỏ: *“Ông Bảy giảng cho Cúc và thằng Cù Lao rằng: con người làm điều ác thì khi chết xuống âm phủ sẽ bị Diêm Vương trừng phạt, tùy theo tội mà bị đày xuống các tầng địa ngục, chịu những hình phạt khốc liệt”* [6, tr. 20-21]. Việc ông Bảy giảng giải những hình phạt này cho con trẻ không chỉ phản ánh sự thấm nhuần quan niệm nhân quả và đạo đức Phật giáo, mà còn cho thấy sức lan tỏa mạnh mẽ của các quan niệm đó trong đời sống tinh thần của người dân quê. Tuy nhiên, sự xuất hiện của cách mạng đã mang đến một luồng gió mới, thúc đẩy sự thay đổi trong cách nhìn nhận tín ngưỡng truyền thống. Hành động dẹp bỏ bàn thờ Thập Điện và đốt tranh ma quỷ của ông Bảy có thể được hiểu như một sự đoạn tuyệt với những yếu tố bị coi là mê tín dị đoan, đồng thời là sự tiếp nhận một hệ giá trị mới phù hợp với tinh thần thời đại. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng khắc họa vai trò của những người có năng lực đặc biệt trong đời sống tâm linh cộng đồng: từ đạo sĩ với bùa chú trấn yểm ma quỷ, đến những thầy tằm giàu kinh nghiệm dự đoán mùa vụ, hay thậm chí là tài năng thiên bẩm của Cù Lao trong nuôi tằm và bơi lội. Những chi tiết ấy không chỉ bổ sung thêm sắc thái cho bức tranh tín ngưỡng dân gian mà còn cho thấy sự chuyển dịch trong cách nhìn nhận của người dân, khi những khả năng đặc biệt ngày càng được gắn liền với những giá trị tích cực do cách mạng mang lại.

Có thể thấy đời sống tín ngưỡng trong *Quê nội* không đơn thuần là sự tiếp nối của truyền thống dân gian, mà còn là sự pha trộn, dung hợp và biến đổi dưới tác động của thời cuộc. Võ Quảng đã phác họa được sự đa tầng, phức hợp và vận động không ngừng của đời sống tâm linh người dân xứ Quảng trong giai đoạn lịch sử đầy biến động. Tuy nhiên, giữa những biến đổi ấy, những giá trị cốt lõi trong thế giới tâm linh vẫn được người dân Hoà Phước trân trọng và gìn giữ. Sự tôn kính đối với các lực lượng tự nhiên, niềm tin vào những

hình thức bảo hộ tâm linh, cùng với những tập tục truyền thống, vẫn âm thầm chảy trôi trong mạch nguồn văn hóa, tạo nên sự bền vững và bản sắc riêng cho đời sống tinh thần của cộng đồng nơi đây, minh chứng cho sức sống mãnh liệt của những giá trị văn hóa truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc.

3.2. Phong tục tập quán

Trong tác phẩm *Quê nội*, Võ Quảng đã tái hiện sinh động những phong tục tập quán quen thuộc của người dân xứ Quảng, qua đó phác họa một đời sống nông thôn vừa giản dị vừa giàu bản sắc văn hóa. Các phong tục tập quán gắn với hoạt động lao động sản xuất, phong tục gắn với cộng đồng làng xã, gắn với đời sống tín ngưỡng. Những phong tục ấy không chỉ phản ánh mối quan hệ mật thiết giữa con người với thiên nhiên và cộng đồng, mà còn thể hiện sự gắn bó với truyền thống lâu đời của làng quê. *Quê nội* không đơn thuần là câu chuyện tuổi thơ trong kháng chiến, mà còn trở thành một bức tranh văn hóa đặc sắc, nơi phong tục dân gian góp phần định hình diện mạo tinh thần và bản sắc riêng của xứ Quảng.

Một trong những nét đặc sắc trong *Quê nội* là Võ Quảng dành nhiều trang viết để tái hiện phong tục tập quán trong lao động sản xuất của người dân xứ Quảng, đặc biệt là nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa. Đây là sinh kế chủ yếu của nhiều gia đình, được tác giả mô tả chi tiết từ khâu chăm sóc dâu, nuôi tằm cho đến dệt vải. Trong tác phẩm có đoạn: “*Sáng nào mẹ cũng ra vườn hái lá dâu, lựa từng lá non mềm cho tằm ăn. Cái nong tre đầy lá tươi xanh đặt trước mặt, đàn tằm bò lổm ngổm như tranh nhau với cả cái nong*” [6, tr.67]. Hình ảnh này không chỉ gợi nên một nghề truyền thống quen thuộc, mà còn cho thấy sự cần mẫn, khéo léo của người nông dân trong lao động hàng ngày. Điều đáng chú ý là nghề nuôi tằm ở đây gắn liền với phong tục, kiêng kỵ và tri thức dân gian. Trước khi nuôi tằm, nhiều gia đình thường làm lễ nhỏ, cầu mong tằm “ăn khỏe, nhả tơ đều, không bị bệnh rớt tằm”. Những kinh nghiệm ấy được truyền miệng qua nhiều thế hệ, trở thành một phần của phong tục sản xuất. Đặc biệt, trong làng còn có những người được tôn làm “thầy tằm”, những người có khả năng dự đoán mùa vụ nhờ kinh nghiệm lâu đời. Tác phẩm ghi lại: “*Mỗi vụ tằm, người ta lại tìm đến ông thầy tằm già để hỏi: năm nay nắng gió ra rặng, tằm có dễ ăn, dễ lớn không. Ông ngẫm nghĩ, nhìn trời, nhìn đất, rồi phán một câu, ai nấy đều tin*” [6, tr.70]. Qua đó cho thấy niềm tin mạnh mẽ của cộng đồng vào tri thức dân gian trong sản xuất. Người nông dân không chỉ dựa vào kỹ thuật thực tiễn, mà còn gắn kết hoạt động lao động với niềm tin tâm linh, tạo nên một “tín ngưỡng nghề nghiệp” đặc thù. Nghề trồng dâu, nuôi tằm trong *Quê nội* không chỉ là phương thức kinh tế, mà còn phản ánh một hệ thống phong tục văn hóa - tín ngưỡng gắn với sản xuất. Thông qua những chi tiết này, Võ Quảng đã khắc họa sinh động một bức tranh nông thôn Quảng Nam, nơi lao động và tín ngưỡng hòa quyện, vừa nuôi sống con người, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa cộng đồng.

Bên cạnh phong tục tập quán gắn với lao động sản xuất, *Quê nội* còn khắc họa phong tục tập quán gắn với cộng đồng - làng xã như một trụ cột trong đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng. Trước hết, đó là tục giỗ họ và những buổi sum họp cộng đồng, nơi con cháu quy tụ về tưởng nhớ tổ tiên. Tác phẩm miêu tả: “*Đến ngày giỗ, mẹ dậy từ tinh mơ, vo gạo nấu xôi, làm gà, bày biện bàn thờ chu tất. Anh em trong họ hàng tụ họp, thắp hương, lạy tổ tiên rồi cùng nhau ăn bữa cơm sum họp*” [6, tr.78]. Đây không chỉ là một nghi thức tín ngưỡng, mà còn là dịp để dòng họ củng cố tình thân, duy trì sự gắn bó cộng đồng. Những bữa cơm giỗ không đơn thuần để tưởng nhớ người đã khuất, mà còn giúp con cháu được

sống lại trong không gian ký ức gia tộc, nuôi dưỡng đạo hiếu và ý thức về cội nguồn. Song song với đó, lễ Tết và tục đoàn viên cũng được tái hiện đậm nét. Cảnh “*Mẹ bày mâm cúng giao thừa. Trên bàn thờ, khói hương nghi ngút, hoa quả, bánh mứt xếp ngay ngắn. Anh em Hòa, Kính đứng khoanh tay nhìn lên, lòng rộn ràng khó tả*” [6, tr.23] gợi lại một bức tranh Tết truyền thống quen thuộc. Tác giả không chỉ tái hiện không khí linh thiêng, rộn ràng của ngày Tết, mà còn nhấn mạnh ý nghĩa đoàn viên, nơi mọi thành viên trong gia đình quây quần bên nhau, cùng thắp hương tưởng nhớ tổ tiên và chào đón năm mới. Đây là phong tục mang tính gắn kết cộng đồng cao, vừa duy trì mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại, vừa hun đúc niềm tin và hy vọng cho tương lai.

Trong đời sống tinh thần, người xứ Quảng rất coi trọng phong tục ma chay. Phong tục ma chay trong ký ức của những người dân xứ Quảng trước Cách mạng không chỉ là một nghi lễ tiễn đưa người đã khuất mà còn gợi nhớ đến những trải nghiệm cay đắng và sự bất công. Chú Hai vẫn còn nhớ rõ lần đi khiêng đám ma, chỉ vì vóc dáng cao lớn mà chú phải khiêng chống đòn, một sự bất tiện và nặng nhọc hơn so với những người khác. Điều đáng nói là chú còn bị bọn lý hương quát mắng vô cớ vì điều mà hoàn toàn không phải lỗi của chú: vóc dáng cao hay thấp là do tạo hóa “*Những cảnh áp bức bị xóa mờ nay lại hiện lên. Chú nhớ lại có lần chú đi khiêng đám ma, chú khiêng chống đòn vì người chú cao. Người chú cao hay thấp, cái đó do bà mẹ nặn ra, nhưng chú bị bọn lý hương quát mắng*” [6, tr.26]. Sự việc tưởng chừng nhỏ nhặt này lại phơi bày sự áp đặt và hà khắc của tầng lớp thống trị, len lỏi vào cả những nghi lễ cộng đồng, nơi lẽ ra con người phải chia sẻ và cảm thông với nhau. Ký ức này cho thấy, ngay trong những phong tục truyền thống, vẫn tồn tại những bất công xã hội sâu sắc, in đậm dấu ấn về một thời kỳ nhiều khổ cực.

Gắn với đời sống tín ngưỡng dân gian, người dân xứ Quảng thường có thói quen xem tướng, bói toán. Đây là một phong tục phổ biến ở làng quê. Đoạn hội thoại giữa ông Bảy và những người trong nhà, bao gồm chú Hai Quân và bà Hiến, thể hiện rõ nét phong tục xem tướng và bói toán trong đời sống văn hóa “*Ông quay sang phía chú Hai Quân chỉ vào cái cằm của chú: Theo sách tướng, người có cái cằm dài và nhọn như thế này thì cả đời lao khổ. Nhưng được một cái thượng đình bằng bằng như anh Hai thì hậu vận về sau phú quý*” [3, tr.17]. Ông Bảy tự tin vào khả năng xem tướng của mình, minh chứng là việc từng đoán đúng về hậu vận của anh Sáu khi anh còn trong tù, cho thấy niềm tin sâu sắc vào việc tướng mạo có thể tiết lộ tương lai. Chú Hai Quân được ông Bảy xem tướng dựa trên hình dáng cằm và trán, với lời đoán về một cuộc đời lao khổ nhưng hậu vận phú quý nhờ vàng trán bằng phẳng, thể hiện sự quan tâm đến tướng mạo để luận giải số phận. Tương tự, bà Hiến được xem tướng qua đôi tai và gò má, với lời phán về tướng Phật, báo hiệu những gian truân trước khi hưởng thái lai, điều này vừa an ủi vừa khơi gợi niềm tin vào một tương lai tươi sáng hơn. Dù lời bác Úc mang chút hài hước khi so sánh việc xem tướng với thầy bói đoán mò, nhưng điều đó không phủ nhận sự phổ biến của tục lệ này, mà ngược lại, cho thấy nó đã trở thành một phần quen thuộc trong đời sống. Phong tục xem tướng không chỉ là một phần trong đời sống văn hóa của người dân, phản ánh niềm tin vào mối liên hệ giữa ngoại hình và vận mệnh con người mà còn mang đến sự an tâm và hy vọng vào tương lai. Đây không chỉ là một tập tục mang tính mê tín mà còn là một phần của văn hóa dân gian xứ Quảng.

Tác phẩm *Quê nội* còn ghi lại những kiêng kỵ dân gian gắn với đời sống tín ngưỡng dân gian. Người dân né tránh những nơi bị coi là có ma quỷ, đặc biệt là chòm đa Lí, nơi đêm đêm xuất hiện ánh lửa lập lòe như ma chơi: “*Trước ngày Tổng khởi nghĩa, đêm đêm những ngọn lửa ở đó cứ chập chờn, lúc phụt tắt như ma chơi trông rất ghê sợ*” [6, tr.21]. Đây là tục kiêng kỵ phổ biến, thể hiện cách cộng đồng giải thích những hiện tượng tự nhiên bất thường bằng thế giới tâm linh. Đồng thời, nó phản ánh nỗi sợ tập thể và sự gắn kết cộng đồng qua niềm tin chung: cùng tránh né, cùng tôn trọng những “không gian linh thiêng” để duy trì sự cân bằng trong đời sống xã hội.

Trong tác phẩm *Quê nội*, các phong tục tập quán được Võ Quảng tái hiện không chỉ nhằm khắc họa bức tranh sinh hoạt quen thuộc của làng quê xứ Quảng, mà còn trở thành “chìa khóa” để người đọc hiểu sâu hơn về đời sống tinh thần và bản sắc văn hóa của cộng đồng. Những phong tục ấy góp phần tạo nên tính chân thực và sức sống cho tác phẩm, đồng thời cho thấy sự gắn bó chặt chẽ giữa con người - thiên nhiên - cộng đồng - tín ngưỡng. Qua phong tục, tác giả làm nổi bật nếp sống cần cù, giản dị, giàu tình nghĩa của người dân quê, cũng như niềm tin, sự hy vọng mà họ gửi gắm vào truyền thống và kinh nghiệm dân gian. Tuy nhiên, chính trong đó cũng phơi bày những giới hạn của xã hội cũ, nơi một số phong tục còn bị chi phối bởi bất công hay mang dấu ấn mê tín. Sự đan xen giữa giá trị và hạn chế đã khiến bức tranh phong tục trong *Quê nội* thêm chân thật, đa chiều, vừa gọi niềm tự hào về di sản văn hóa, vừa nhắc nhở về những thách thức trong quá trình gìn giữ và phát huy truyền thống. Nhờ vậy, tác phẩm vượt lên khỏi một câu chuyện tuổi thơ kháng chiến để trở thành một tác phẩm giàu ý nghĩa văn hóa - xã hội, có giá trị lâu dài trong nghiên cứu đời sống nông thôn Việt Nam.

3.3. Lễ hội và trò chơi dân gian

Trong tác phẩm *Quê nội*, lễ hội và trò chơi dân gian được Võ Quảng gọi nhắc và tái hiện qua những chi tiết gắn liền với ký ức tập thể của người dân xứ Quảng. Lễ hội và trò chơi dân gian ở đây mang tính chất vừa linh thiêng vừa gần gũi, phản ánh rõ đời sống cộng đồng, tín ngưỡng và niềm vui tinh thần của cư dân nông thôn.

Lễ hội dân gian được phản ánh trong tác phẩm là lễ hội hát bội ở miếu Bà Tầm. Hội hát bội được tổ chức nhân lễ tế Bà Tầm, người được truyền thuyết cho là đã dạy dân trồng dâu nuôi tằm - một nghề gắn bó mật thiết với cư dân ven sông Thu Bồn. Hội diễn ra 3 năm một lần, không khí lễ hội được nhà văn miêu tả sống động: “*Lễ làng cứ ba năm một lại tổ chức hát hội để tế bà... Cả làng bỗng rộn lên, cái vui không biết để chỗ nào cho hết... Trẻ con đứa nào cũng hóa nhanh nhẹn... Một thiên đàng sắp mở cửa.*” [6, tr.22]. Điều đặc biệt là hội hát không chỉ hấp dẫn về hình thức mà còn mang nội dung giàu ý nghĩa đạo lý. Hình ảnh chú Hai Quân - một người dân bình thường đang bám thịt phục vụ lễ hội, nhưng lại bị tiếng trống chầu và lời ca kéo hút về rạp hát “*Chú Hai chịu không được nữa, buông con dao chạy sang rạp hát lúc nào không biết*” [6, tr.23] cho ta thấy rõ sức mạnh tinh thần của tuồng bội. Tuy nhiên, chính giữa không khí rạo rực của nghệ thuật và lễ hội, lại xảy ra một nghịch lý đau lòng. Chú Hai vì bỏ việc tế lễ để xem tuồng bị lí trưởng gọi xuống đình, mắng mỏ, đánh đập tàn bạo: “*Việc cúng tế, việc trên đầu trên cổ... mày dám đi mất... Trối nó lại! Căng nó ra giữa đình cho tao!*” [6, tr.25]. Cảnh “roi mây quất tới tấp, quần áo chú Hai rách bươm, khắp người rớm máu” như một vết thương đau đớn không chỉ trên thân thể nhân vật mà còn là lời tố cáo chế độ phong kiến hà khắc, chà đạp lên

nhân phẩm người dân. Hội hát bội ở miếu Bà Tắm là sự giao thoa độc đáo giữa tín ngưỡng nông nghiệp và nghệ thuật truyền thống. Trước hết, lễ hội tôn vinh Bà Tắm - nữ thần dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” và nét văn hóa tâm linh gắn liền với sinh kế vùng sông Thu Bồn. Ngày nay, khi nhiều giá trị truyền thống đang bị mai một, việc bảo tồn, làm sống lại các sinh hoạt văn hóa cộng đồng như hát bội là điều vô cùng cần thiết, không chỉ để lưu giữ bản sắc dân tộc, mà còn để gìn giữ những không gian tinh thần cho cộng đồng, nơi con người có thể tìm lại chính mình.

Trong tác phẩm *Quê nội*, các trò chơi dân gian không chỉ đơn thuần được tái hiện như những hoạt động vui chơi giải trí của trẻ em, mà còn được khắc họa như một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của làng quê, góp phần truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống, giáo dục lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết và ý thức cộng đồng cho thế hệ trẻ. Một trong những trò chơi được miêu tả sinh động nhất chính là trò chơi “giật lá”, một “cuộc chiến giả tưởng” đầy hào hứng giữa những đứa trẻ quê hồn nhiên và tinh nghịch. Trẻ em trong làng chia làm hai phe, giả làm tướng lĩnh để chơi đánh trận, thể hiện sự sáng tạo và tinh thần đoàn kết. Mỗi que dâu cắm trên đầu là “tính mạng” của người chơi, nên không khí thi đấu luôn đầy kịch tính và phấn khích: “*Sau ngày cướp chính quyền, môn chơi giật lá ở quê tôi hoá thịnh hành. Chơi giật lá phải chia làm hai phe... Đứa nào bị giật mất que dâu thì xem như đã bị chặt mất đầu, tức khắc phải nằm lăn ra, mặt úp xuống đất không ngó nguậy*” [6, tr. 8]. Qua hình thức mô phỏng các cuộc chiến, trò chơi “giật lá” thể hiện sự tiếp nhận tinh thần thượng võ, ý thức tổ chức và chiến thuật - vốn là đặc điểm nổi bật trong văn hóa Việt Nam. Trò “giật lá” với những luật chơi và cách chia phe theo các nhân vật tuồng cổ còn cho thấy sự ảnh hưởng của văn hóa nghệ thuật truyền thống đến cả những hoạt động giải trí đời thường. Trẻ em trong *Quê nội* không đơn thuần chơi để vui, mà còn “hóa thân” thành các nhân vật trong tuồng cổ như Triệu Tử Long, Quan Công, Hạng Võ, Trương Phi,... Những nhân vật này vốn quen thuộc trong sân khấu tuồng, hát bội - loại hình nghệ thuật gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa dân gian Việt Nam. Việc những đứa trẻ thuộc lòng tích tuồng, nhập vai một cách nghiêm túc cho thấy ảnh hưởng sâu đậm của nghệ thuật truyền thống vào tâm hồn trẻ thơ, đồng thời phản ánh môi trường giáo dục tự nhiên mà văn hóa dân gian mang lại. Thông qua trò chơi, trẻ em tự học hỏi lịch sử và rèn luyện trí tuệ qua hoạt động vui chơi, một nét đặc trưng của văn hóa dân gian trong môi trường nông thôn.

Bên cạnh đó, trò chơi bài chòi trong những ngày Tết cũng là một nét văn hóa dân gian độc đáo trong tác phẩm *Quê nội*. Với giọng hò hài hước, vần vè của chú Năm Mùi, bài chòi không chỉ là trò chơi may rủi mà còn là một hình thức biểu diễn nghệ thuật ngôn ngữ dân gian sống động, thể hiện sự hóm hỉnh, trí tuệ và tài ứng biến của người nông dân: “*Thường ngày Tết, chú Năm Mùi hò đánh bài chòi hay lắm. Chú đứng bên bàn đặt giữa đám đất... Chú Năm lắc ống bài, rút một con hô to...*” [6, tr.110]. Đây cũng là một dạng sân khấu hóa đời sống, nơi tiếng cười và sự kết nối cộng đồng được đề cao. Đặc biệt, khi nhân vật chú Năm - người từng là “đệ nhất hô bài chòi” - từ chối hô bài sau Cách mạng Tháng Tám, ta thấy rõ sự chuyển biến của văn hóa dân gian trong dòng chảy lịch sử. Câu nói của chú: “*Cách mạng lên rồi, tao cũng là chỉ huy tự vệ, ai lại đi hô cái đánh bài chòi!*” [6, tr.111] không chỉ phản ánh sự thay

đổi trong nhận thức cá nhân mà còn cho thấy một thời kỳ chuyển mình của xã hội, khi những giá trị truyền thống dần nhường chỗ cho vai trò cách mạng, chính trị. Hơn thế, trò chơi “bài chòi” còn mang ý nghĩa biểu tượng cho sự sum vầy, đoàn viên trong dịp đầu xuân - là dịp để mọi người cùng vui chơi, chia sẻ niềm vui và gắn bó tình cảm gia đình, làng xóm.

Không chỉ dừng lại ở các trò chơi dân gian phổ biến như “giật lá”, chơi “bài chòi”, *Quê nội* còn tái hiện sinh động một thế giới tuổi thơ phong phú với nhiều trò chơi khác như: trò đánh đá “*Mày chớ rủ thằng Cù Lao ra sông đánh đá với bọn chẵn trâu sông dưới*” [6, tr.68]; trò đẩy cây “*Phải dưỡng sức cho khỏe, ông với tôi sẽ đi quyền và chơi đẩy cây như lúc nhỏ*” [6, tr.48]; trò vật lộn “*Phải làm việc ra hồn, không phải đi vật lộn với bọn chẵn trâu, bị cục u trên trán đâu!*” [6, tr.78]. Những trò chơi như đánh đá, đẩy cây, vật lộn phản ánh đời sống văn hóa dân gian khỏe khoắn, vừa rèn luyện thể lực, vừa gắn kết cộng đồng, đồng thời trở thành biểu tượng cho hành trình trưởng thành của con người nông thôn giữa bối cảnh lịch sử đầy biến động.

Có thể thấy, lễ hội và trò chơi dân gian trong *Quê nội* của Võ Quảng đã góp phần quan trọng trong việc tái hiện đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng. Lễ hội và trò chơi dân gian không chỉ là những sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng và giải trí đơn thuần, mà còn là nơi kết tinh những giá trị truyền thống, nuôi dưỡng ký ức cộng đồng, gắn kết con người trong tình làng nghĩa xóm. Lễ hội mang đến không gian linh thiêng để tưởng nhớ nguồn cội, đồng thời là dịp để nghệ thuật dân gian như hát bội tỏa sáng, khơi gọi khát vọng chân - thiện - mỹ. Trong khi đó, trò chơi dân gian khắc họa thế giới tuổi thơ hồn nhiên nhưng giàu tinh thần sáng tạo, phản ánh ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa truyền thống trong việc hình thành nhân cách và ý thức cộng đồng. Nhờ vậy, *Quê nội* không chỉ là câu chuyện về tuổi thơ và quê hương, mà còn trở thành bức tranh văn hóa dân gian giàu màu sắc, làm nổi bật bản sắc tinh thần bền vững của làng quê Việt Nam.

4. KẾT LUẬN

Qua tác phẩm *Quê nội* có thể thấy Võ Quảng đã tái hiện một cách toàn diện bức tranh đời sống văn hóa - tín ngưỡng của người dân xứ Quảng trong nửa đầu thế kỷ XX. Các phong tục tập quán gắn liền với sản xuất như trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa con người và thiên nhiên, đồng thời phản ánh tri thức dân gian phong phú. Những tín ngưỡng dân gian như xem tướng, bói toán hay thờ cúng tổ tiên minh chứng cho nhu cầu tâm linh, niềm tin và khát vọng hướng đến sự an lành, may mắn trong đời sống. Các sinh hoạt cộng đồng như giỗ họ, Tết đoàn viên, kiêng kỵ dân gian, hay lễ hội hát bội, trò chơi dân gian không chỉ tạo nên không khí gắn kết cộng đồng mà còn góp phần lưu giữ, truyền thừa bản sắc văn hóa.

Quê nội không đơn thuần là một tác phẩm viết về tuổi thơ, mà còn là “tấm gương văn hóa” phản chiếu đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng. Tác giả đã thành công trong việc đưa các yếu tố văn hóa dân gian hòa quyện vào mạch truyện, vừa tự nhiên vừa có giá trị tư liệu lịch sử - xã hội. Điều quan trọng hơn, tác phẩm khẳng định sức sống bền bỉ của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội dân gian như một phần căn cốt tạo nên bản sắc cộng đồng. Từ góc nhìn hôm nay, *Quê nội* không chỉ gợi nhắc một miền ký ức văn hóa mà còn đặt ra yêu cầu bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống trong bối cảnh hiện đại, để bản sắc xứ Quảng nói riêng và văn hóa dân tộc nói chung được tiếp nối và lan tỏa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (2025), *Dấu ấn lịch sử Quảng Nam qua tài liệu lưu trữ*, Triển lãm tài liệu lưu trữ quốc gia, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- [2] Trần Minh Hùng (2023), *Đặc trưng văn hóa vùng Quảng Nam qua chiều dài lịch sử*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, (5), tr.33-41.
- [3] Lê Phương Liên (2021), *Quê nội của nhà văn Võ Quảng - Những trang sách để đời*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
- [4] Lê Thị Bắc Lý (2003), *Giáo trình văn học trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
- [5] Lê Văn Phúc (2021), *Nghiên cứu tài nguyên văn hóa biển phục vụ phát triển du lịch tại Quảng Nam*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, (6), tr.55-63.
- [6] Võ Quảng (1974), *Tiểu thuyết Quê nội*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Tuấn (2021), *Giá trị văn hóa truyền thống Quảng Nam và xu hướng vận dụng trong phát triển hiện nay*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [8] Phương Thảo (2008), *Võ Quảng, con người, tác phẩm*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [9] Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

**THE CULTURAL IMPRINT OF THE PEOPLE OF QUANG REGION
THROUGH THE WORK QUE NOI BY WRITER VO QUANG**

Le Thi Hien

ABSTRACT

Vo Quang's Que Noi offers a vivid portrayal of life in Quang Nam while powerfully expressing the region's cultural identity from a cultural perspective. The work not only recreates traditional values and a strong sense of community cohesion, but also reflects social transformations as many outdated practices have been gradually reshaped in a more progressive direction. This article focuses on analyzing key aspects such as religious life, customs and traditions, festivals, and folk games. From this perspective, the study contributes to clarifying the distinctive cultural values of Que noi, thereby affirming that the work is not only of artistic significance but also a valuable cultural resource, demonstrating the enduring vitality of Vietnamese folk culture.

Keywords: Cultural imprints, the People of Quang Region, the literary work Que Noi, Vo Quang.

* Ngày nộp bài: 18/08/2025; Ngày gửi phản biện: 25/08/2025; Ngày duyệt đăng: 20/05/2026